

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông; Ông Hồ Quang Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vi Thế Nam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Tuấn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Phương T, sinh năm 1991 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 14/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị Phương T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Phương T và anh Nguyễn Hữu T kết hôn ngày 20/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị T và anh T thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Anh T thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng,

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Chị Đinh Thị Phương T và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 13/4/2013, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/7/2015. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bản tự khai ngày 12/8/2021, anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Đinh Thị Phương T kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông dựa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa anh chị không xảy ra mâu thuẫn. Nay chị T có nguyện vọng ly hôn thì anh T đồng ý.

- Về con chung: Anh T và chị Đinh Thị Phương T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 13/4/2013, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/7/2015. Anh T đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của 02 con và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Đinh Thị Phương T, anh Nguyễn Hữu T chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tuyên xử chị Đinh Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 13/4/2013, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/7/2015 cho chị Đinh Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Đinh Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đinh Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Bị đơn anh Nguyễn Hữu T có nơi cư trú tại Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đinh Thị Phương T và anh Nguyễn Hữu T. Tuy nhiên, anh T đang phải chấp hành án tại Trại giam Đ, Cục C10 - Bộ Công an, không thể đến Tòa án để làm việc, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Phương T và anh Nguyễn Hữu T kết hôn ngày 20/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Phương T, sau khi kết hôn vợ chồng chị T anh T thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù giam về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị T và anh T hiện không còn sống chung với nhau, chị T không còn tình cảm với anh T, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi các con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Phương T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Đinh Thị Phương T và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 13/4/2013, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/7/2015. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu của chị T được nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K, Nguyễn Hữu N. Xét thấy, hiện nay anh T đang phải chấp hành án tại Trại giam Đ, cục C10, Bộ Công an. Từ thời điểm chị T và anh T không còn sống chung từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Chị T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Do chị T và anh T không thỏa thuận được vấn đề nuôi con chung, quá trình lấy lời khai của anh T cho biết việc nuôi con chung phải xem xét giải quyết theo nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...” cháu Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 13/4/2013 thuộc trường hợp từ đủ 07 tuổi trở lên nên Tòa án đã xem xét nguyện vọng của cháu, tiến hành lấy lời khai thì cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Đinh Thị Phương T, đối với cháu Nguyễn Hữu N, đến ngày xét xử cháu N mới (06 tuổi 01 tháng 16 ngày) cần có sự chăm sóc của mẹ để phát triển toàn diện, Mặt khác chị T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Thị Ngọc K, Nguyễn Hữu N cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Chị T, anh T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đinh Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 13/4/2013, Nguyễn Hữu N, sinh ngày 25/7/2015 cho chị Đinh Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Đinh Thị Phương T không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn chị Đinh Thị Phương T, anh Nguyễn Hữu T có các quyền, nghĩa vụ theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị Phương T và anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004198 ngày 14/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Võ Thị Nhi**